TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã TP 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Trần Thanh S, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã TP 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh Trần Thanh S cưới nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu trước. Sau khi cưới vợ chồng chị sống riêng. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, thái độ của anh S đối với chị không thể chấp nhận được, anh S thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, đá gà, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con, nên vợ chồng chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai vợ chồng có những lúc gặp nhau nhưng không có nói chuyện với nhau để hàn gắn lại. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn Tr, sinh năm 1994 và Trần Thị Hoa H, sinh ngày 01/6/2004, hiện cháu Hoa H đang sống chung với anh S, nay ly hôn chị đồng ý để anh S tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoa H và chị không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tr hiện đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh S chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh S chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Thanh S, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 07/11/2017 cháu Trần Thị Hoa H trình bày: "Trần Thị Hoa H theo ba".

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr; về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Tr, anh S được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Hoa H, sinh ngày 01/6/2004 và theo nguyện vọng của cháu Hoa H là sống chung với cha, tại phiên tòa chị Tr không tự nguyện cấp dưỡng và trong quá trình giải quyết vụ án anh Sang không có yêu cầu nên tách việc cấp dưỡng ra đến khi nào anh S có yêu

cầu thì giải quyết sau; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Thanh S là hôn nhân hợp pháp, trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh S, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị Tr tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh S không hạnh phúc, anh S thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, đá gà không quan tâm đến gia đình và con cái, mặc dù chị nhiều lần khuyên can nhưng anh S vẫn không thay đổi; mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn lại. Đối với anh S thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Tr và anh S hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Trần Thanh S.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Trang đồng ý để anh S tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hoa H, sinh ngày 01/6/2004 và

chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi cha mẹ ly thân cho đến nay cháu Hoa H sống với anh S và cũng như phù hợp với ý nguyện của cháu là muốn được sống với ba, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoa H và không buộc chị Tr cấp dưỡng nuôi con do anh S không có văn bản yêu cầu. Nếu khi nào anh S có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh có quyền khởi kiện một vụ, việc khác. Còn cháu Trần Văn Tr, sinh năm 1994 đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, chị Tr và anh S không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Tr trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh S không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tr.

2.1. Anh Trần Thanh S được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hoa H, sinh ngày 01/6/2004.

2.2. Chị Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Tr có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 05719 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Thường Phước 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Lương Bằng